

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 30/06/2019

Tháng 08 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

<u>NỘI DUNG</u>	<u>MỤC LỤC</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ		4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH		10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Khôi	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Đạo	Phó chủ tịch
Ông Phạm Văn Toàn	Thành viên
Ông Thâm Hồng Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Oanh	Thành viên
Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên

Kế toán trưởng

Ông Đỗ Vũ Linh (Bổ nhiệm ngày 01/05/2019)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Số: 354/2019/UHY - BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 08 năm 2019, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 31.4 trong Báo cáo tài chính về khoản lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty đến ngày 30/06/2019 đã vượt Vốn chủ sở hữu số tiền 29.702.446.213 đồng và tại ngày 30/06/2019, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.974.019.155 đồng, điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày theo giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp khác với ý kiến kiểm chấp nhận toàn phần tại ngày 19/02/2019. Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần tại ngày 06/08/2018.



The image shows a red circular stamp of the company 'CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY' (UHY Audit and Tax Firm). The stamp includes the company's name in a circle, the acronym 'UHY' in the center, and the registration number 'MSDN: 0102011022'. A blue ink signature is written over the stamp.

Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0798- 2014- 112- 1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.269.463.400	27.854.726.999
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	887.532.546	2.755.831.149
Tiền	111		887.532.546	2.755.831.149
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.437.921.783	23.865.330.114
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	18.549.207.548	21.731.875.508
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		150.000.000	2.840.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.096.097.543	2.487.997.914
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(357.383.308)	(357.383.308)
Hàng tồn kho	140		140.983.533	387.116.140
Hàng tồn kho	141	8	140.983.533	387.116.140
Tài sản ngắn hạn khác	150		803.025.538	846.449.596
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	691.920.085	829.711.377
Thuế GTGT được khấu trừ	152		111.105.453	16.738.219
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.331.153.036	34.489.648.993
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.200.000.000	1.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.200.000.000	1.200.000.000
Tài sản cố định	220		2.384.034.931	2.139.991.015
Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.384.034.931	2.139.991.015
- Nguyên giá	222		18.348.719.223	17.694.975.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.964.684.292)	(15.554.984.208)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		71.580.000	71.580.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(71.580.000)	(71.580.000)
Bất động sản đầu tư	230	12	30.617.489.430	31.005.052.584
- Nguyên giá	231		36.430.936.788	36.430.936.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.813.447.358)	(5.425.884.204)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		473.212.674.000	473.212.674.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(473.212.674.000)	(473.212.674.000)
Tài sản dài hạn khác	260		129.628.675	144.605.394
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	129.628.675	144.605.394
TỔNG TÀI SẢN	270		57.600.616.436	62.344.375.992

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		87.303.062.649	90.918.859.372
Nợ ngắn hạn	310		25.243.482.555	27.600.548.230
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	22.995.914.899	24.844.567.787
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	131.955.190
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	55.352.240	75.042.915
Phải trả người lao động	314		398.773.485	499.438.585
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	144.530.909	152.873.364
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.647.189.730	1.505.949.097
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	389.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.721.292	1.721.292
Nợ dài hạn	330		62.059.580.094	63.318.311.142
Chi phí phải trả dài hạn	333	16	16.452.103.282	16.880.359.942
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	45.607.476.812	46.437.951.200
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(29.702.446.213)	(28.574.483.380)
Vốn chủ sở hữu	410	19	(29.702.446.213)	(28.574.483.380)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		365.050.000.000	365.050.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>365.050.000.000</i>	<i>365.050.000.000</i>
Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.500.000.000	11.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		163.000.000	163.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(408.756.182.309)	(407.628.219.476)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(407.628.219.476)</i>	<i>(408.454.802.791)</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(1.127.962.833)</i>	<i>826.583.315</i>
TỔNG NGUỒN VỐN	440		57.600.616.436	62.344.375.992



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Đỗ Vũ Linh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chi tiêu	Mã Thuyết		Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	số	minh	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	27.158.526.180	47.098.086.184
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.158.526.180	47.098.086.184
Giá vốn hàng bán	11	21	25.750.304.877	44.125.081.524
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.408.221.303	2.973.004.660
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	124.484.679	51.622.322
Chi phí tài chính	22	23	53.123.794	13.191.851
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>40.918.242</i>	<i>12.483.793</i>
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	2.874.676.258	3.660.556.043
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.395.094.070)	(649.120.912)
Thu nhập khác	31	25	375.960.221	1.052.070.069
Chi phí khác	32	26	20.246.738	210.949.801
Lợi nhuận khác	40		355.713.483	841.120.268
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.039.380.587)	191.999.356
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	88.582.246	88.582.246
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.127.962.833)	103.417.110
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(31)	3



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Đỗ Vũ Linh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(1.039.380.587)	191.999.356
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		797.263.238	764.274.732
Các khoản dự phòng	03		-	(10.000.000)
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.657.007	(92.448)
Lãi hoạt động đầu tư	05		(1.794.468)	(2.178.578)
Chi phí lãi vay	06		40.918.242	12.483.793
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(201.336.568)	956.486.855
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		2.331.077.982	(9.550.645.292)
Tăng hàng tồn kho	10		246.132.607	52.878.775
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.820.973.723)	7.389.212.720
Tăng chi phí trả trước	12		152.768.011	126.268.612
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(40.918.242)	(12.483.793)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(88.582.246)	(88.582.246)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.421.832.179)	(1.126.864.369)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(448.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.794.468	2.178.578
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(446.205.532)	2.178.578
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		1.981.294.025	1.199.101.156
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.981.294.025)	(1.199.101.156)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.868.037.711)	(1.124.685.791)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	2.755.831.149	2.540.352.575
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(260.892)	92.448
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	887.532.546	1.415.759.232



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Đỗ Vũ Linh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 5700688013 do Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/11/2007. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 08 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 4 ngày 25/08/2017, Vốn điều lệ của Công ty là: 365.050.000.000 VNĐ (Ba trăm sáu mươi lăm tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng) được chia thành 36.505.000 cổ phần với mệnh giá trên 1 cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 là vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Hoạt động được thực hiện vận chuyển từ khách hàng đến cảng và thời gian thực hiện các hợp đồng ngắn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP)

2.2 GIÁ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá định hoạt động liên tục. Khoản lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 30/06/2019 là 408.756.182.309 đồng, đã vượt Vốn chủ sở hữu số tiền 29.702.446.213 đồng. Tại ngày 30/06/2019, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.974.019.155 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

2.3 KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản, ký quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong kỳ.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định hữu hình khác	04

3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là: phần mềm máy tính (bao gồm phần mềm kế toán và phần mềm Win server) .

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Phần mềm kế toán	02 - 03

3.10 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Trong thời gian nắm giữ, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định tương tự của Công ty trong vòng 47 năm.

3.11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết, liên doanh và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và có giá gốc trên 5 triệu đồng, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

3.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Cổ tức, lợi nhuận được chia ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.15 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	55.551.360	259.365.625
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	831.981.186	2.496.465.524
	887.532.546	2.755.831.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	18.549.207.548	(357.383.308)	21.731.875.508	(357.383.308)
- Công ty CP Xi măng Thăng Long	8.331.000.000	-	11.798.000.000	-
- Công ty TNHH cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	4.985.580.600	-	4.140.813.600	-
- Công ty TNHH Vĩnh Phước	2.127.284.500	-	2.173.341.500	-
- Công ty TNHH Hào Hưng Long An	818.309.122	-	877.274.520	-
- Các đối tượng khác	2.287.033.326	(357.383.308)	2.742.445.888	(357.383.308)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
	18.549.207.548	(357.383.308)	21.731.875.508	(357.383.308)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	4.985.580.600	-	4.648.133.600	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Logictic Việt Nam	-	-	507.320.000	-
- Công ty TNHH cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	4.985.580.600	-	4.140.813.600	-

6. NỢ XẤU

	Thời gian quá hạn	30/06/2019		01/01/2019		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
		VND	VND	VND	VND	
Công ty Cổ phần Thương mại sản xuất dăm gỗ TMT	Trên 3 năm	180.810.966	(180.810.966)	Trên 3 năm	180.810.966	(180.810.966)
Công ty TNHH Hoàng Lâm Hạ Long	Trên 3 năm	100.408.525	(100.408.525)	Trên 3 năm	100.408.525	(100.408.525)
Công ty CP Luyện cán thép Sóc Sơn	Trên 3 năm	76.163.817	(76.163.817)	Trên 3 năm	76.163.817	(76.163.817)
		357.383.308	(357.383.308)	357.383.308	(357.383.308)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	3.096.097.543	-	2.487.997.914	-
- Tạm ứng cho nhân viên	1.625.829.500	-	1.243.759.500	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	128.045.400	-	282.045.400	-
- Phải thu khác	1.342.222.643	-	962.193.014	-
+ Hyundai merchant marine Co., Ltd	960.788.154	-	957.914.014	-
+ Thuế GTGT chưa đủ điều kiện khấu trừ năm 2017, 2018	381.434.389	-	-	-
+ Các đối tượng khác	100	-	4.279.000	-
Dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
	4.296.097.543	-	3.687.997.914	-

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	68.682.093	-	24.479.036	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.301.440	-	362.637.104	-
	140.983.533	-	387.116.140	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	691.920.085	829.711.377
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	369.588.319	490.062.220
- Chi phí bằng tiền chờ phân bổ	322.331.766	339.649.157
Dài hạn	129.628.675	144.605.394
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	105.962.015	105.905.959
- Chi phí bằng tiền chờ phân bổ	23.666.660	38.699.435
	821.548.760	974.316.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	TSCĐ HH khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2019	608.800.000	16.873.899.223	212.276.000	-	17.694.975.223
- Mua trong kỳ	-	-	-	653.744.000	653.744.000
30/06/2019	<u>608.800.000</u>	<u>16.873.899.223</u>	<u>212.276.000</u>	<u>653.744.000</u>	<u>18.348.719.223</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2019	(196.812.671)	(15.145.895.537)	(212.276.000)	-	(15.554.984.208)
- Khấu hao trong kỳ	(29.646.378)	(358.965.198)	-	(21.088.508)	(409.700.084)
30/06/2019	<u>(226.459.049)</u>	<u>(15.504.860.735)</u>	<u>(212.276.000)</u>	<u>(21.088.508)</u>	<u>(15.964.684.292)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2019	<u>411.987.329</u>	<u>1.728.003.686</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.139.991.015</u>
30/06/2019	<u>382.340.951</u>	<u>1.369.038.488</u>	<u>-</u>	<u>632.655.492</u>	<u>2.384.034.931</u>

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là: 9.960.962.181 đồng;
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dung thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 1.355.125.568 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 71.580.000 đồng.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	36.430.936.788	-	-	36.430.936.788
- Quyền sử dụng đất	33.623.389.808	-	-	33.623.389.808
- Cơ sở hạ tầng trên đất	2.807.546.980	-	-	2.807.546.980
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(5.425.884.204)	(387.563.154)	-	(5.813.447.358)
- Quyền sử dụng đất	(5.007.738.910)	(357.695.634)	-	(5.365.434.544)
- Cơ sở hạ tầng trên đất	(418.145.294)	(29.867.520)	-	(448.012.814)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	31.005.052.584	-	-	30.617.489.430
- Quyền sử dụng đất	28.615.650.898	-	-	28.257.955.264
- Cơ sở hạ tầng trên đất	2.389.401.686	-	-	2.359.534.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	473.212.674.000	(473.212.674.000)	473.212.674.000	(473.212.674.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết - Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT)	473.212.674.000	(473.212.674.000)	473.212.674.000	(473.212.674.000)

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT) theo Hợp đồng liên doanh ngày 06/11/2007. Tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế là 51%. Số vốn đã góp tương ứng với 25.490.000 USD, tỷ lệ sở hữu theo đồng tiền ghi sổ VND là 50,08%.

Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) đến 30/06/2019 số tiền: 473.212.674.000 đồng. Cơ sở trích lập dự phòng là số lỗ lũy kế trên BCTC của CICT đã vượt quá vốn chủ sở hữu, theo đó Công ty đã trích lập 100% số vốn đầu tư vào CICT đến thời điểm 30/06/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	22.995.914.899	22.995.914.899	24.844.567.787	24.844.567.787
- Ban Quản lý dự án Hàng Hải 2	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	3.920.439.600	3.920.439.600	4.091.054.000	4.091.054.000
- Công ty CP Đầu tư xây dựng du lịch và Thương mại Thẩm Gia	2.503.423.665	2.503.423.665	1.754.852.400	1.754.852.400
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	2.075.567.803	2.075.567.803	4.199.917.199	4.199.917.199
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bắc Dương	1.085.006.230	1.085.006.230	1.542.761.310	1.542.761.310
- Các đối tượng khác	6.746.144.601	6.746.144.601	6.590.649.878	6.590.649.878
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	22.995.914.899	22.995.914.899	24.844.567.787	24.844.567.787
Phải trả người bán là các bên liên quan	6.449.583.003	6.449.583.003	8.695.621.299	8.695.621.299
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	2.075.567.803	2.075.567.803	4.199.917.199	4.199.917.199
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	3.920.439.600	3.920.439.600	4.091.054.000	4.091.054.000
- Công ty VOSA Quảng Ninh	118.800.000	118.800.000	-	-
- Công ty TNHH cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	334.775.600	334.775.600	404.650.100	404.650.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	498.339.232	498.339.232	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.291.123	88.582.246	88.582.246	44.291.123
- Thuế thu nhập cá nhân	30.751.792	60.938.084	80.628.759	11.061.117
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	75.133.338	75.133.338	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	20.013.692	20.013.692	-
	75.042.915	746.006.592	765.697.267	55.352.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	144.530.909	152.873.364
- Chi phí trích trước tạm tính chi phí	144.530.909	152.873.364
Dài hạn	16.452.103.282	16.880.359.942
- Thuế nhà đất phải trả (*)	16.452.103.282	16.880.359.942
	16.596.634.191	17.033.233.306

(*) Tiền sử dụng đất các bên số 2, 3, 4 của Cảng Cái Lân, Quảng Ninh; với tổng diện tích đất được giao là 157.345,5 m² tại Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 25/12/2007; thời gian sử dụng từ năm 2008 đến tháng 5/2058. Công ty đã thực hiện tham gia góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT) bằng quyền sử dụng đất này. Số tiền thuế đất phải trả một năm là 428.256.660 đồng.

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.647.189.730	1.505.949.097
- Kinh phí công đoàn	45.079.403	67.697.099
- Bảo hiểm xã hội	91.613.340	-
- Bảo hiểm y tế	16.167.060	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.185.360	-
- Nhận ký cược ký quỹ	286.000.000	10.982.400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.201.144.567	1.427.269.598
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hàng Hải Đại Dương	594.314.038	302.277.582
+ Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	328.963.747	983.704.979
+ Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát	130.000.000	-
+ Cổ tức phải trả cổ đông	139.625.000	139.625.000
+ Đảng phí thu qua lương	1.861.782	1.662.037
+ Khoản phải trả phải nộp khác	6.380.000	-
Dài hạn	-	-
	1.647.189.730	1.505.949.097

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	45.607.476.812	46.437.951.200
- Cho thuê mặt bằng 2,3 ha	45.607.476.812	46.437.951.200
	45.607.476.812	46.437.951.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(408.454.802.791)	(29.401.066.695)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	826.583.315	826.583.315
31/12/2018	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(407.628.219.476)	(28.574.483.380)
01/01/2019	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(407.628.219.476)	(28.574.483.380)
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(1.127.962.833)	(1.127.962.833)
30/06/2019	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(408.756.182.309)	(29.702.446.213)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	206.550.000.000	206.550.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	29.709.990.000	29.709.990.000
Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	110.790.010.000	110.790.010.000
	365.050.000.000	365.050.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	365.050.000.000	365.050.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	365.050.000.000	365.050.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

19.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

19.5 CÁC QUỸ

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	163.000.000	163.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.328.051.792	46.267.611.796
Doanh thu kinh doanh bất động sản	830.474.388	830.474.388
	27.158.526.180	47.098.086.184
Doanh thu với các bên liên quan	2.141.730.000	15.955.655.652
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	634.260.000
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	2.141.730.000	12.309.780.000
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	-	2.462.209.717
- Công ty VOSA Quảng Ninh	-	549.405.935

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	25.362.741.723	43.737.518.370
Giá vốn kinh doanh bất động sản	387.563.154	387.563.154
	25.750.304.877	44.125.081.524

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.794.468	2.178.578
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	122.690.211	49.351.296
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	92.448
	124.484.679	51.622.322

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	40.918.242	12.483.793
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	10.548.545	708.058
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	1.657.007	-
	53.123.794	13.191.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.732.272	41.090.511
Chi phí nhân viên quản lý	1.743.335.015	2.220.739.880
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.865.224	27.865.224
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(10.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	564.877.272	813.466.286
Chi phí bằng tiền khác	510.866.475	563.394.142
	2.874.676.258	3.660.556.043

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chênh lệch hạch toán thuế đất phi nông nghiệp	362.869.212	362.869.212
Thưởng tiền độ Hợp đồng	-	684.987.865
Các khoản khác	13.091.009	4.212.992
	375.960.221	1.052.070.069

26. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Phạt bồi thường, vi phạm hợp đồng	-	206.951.550
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	20.013.692	126.976
Các khoản chi phí khác	233.046	3.871.275
	20.246.738	210.949.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
<i>Tổng lợi nhuận kế toán của hoạt động kinh doanh chính</i>	(1.482.291.821)	(250.911.878)
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	136.588.987	604.968.251
+ Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không tham gia điều hành Công ty	73.200.000	130.000.000
+ Phạt chậm nộp thuế	20.013.692	126.976
+ Chi phí khoán hỗ trợ không có hóa đơn, chứng từ	-	474.841.275
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	2.224.007	-
+ Chi phí lãi vay theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP	40.918.242	-
+ Chi phí khác	233.046	-
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN hoạt động kinh doanh chính	-	(354.056.373)
+ Lỗi tính thuế của các năm trước chuyển sang	-	(353.963.925)
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền gửi	-	(92.448)
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	(1.345.702.834)	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành từ hoạt động kinh doanh chính	-	-
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
<i>Tổng lợi nhuận kế toán của hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	442.911.234	442.911.234
Thu nhập chịu thuế	442.911.234	442.911.234
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành từ hoạt động kinh doanh bất động sản	88.582.246	88.582.246
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	88.582.246	88.582.246

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(1.127.962.833)	103.417.110
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	36.505.000	36.505.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(31)	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.497.000.354	1.026.423.839
Chi phí nhân công	4.111.749.036	4.870.548.093
Khấu hao tài sản cố định	797.263.238	764.274.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.358.875.457	39.881.729.233
Chi phí bằng tiền khác	1.569.757.386	1.108.631.670
	28.334.645.471	47.651.607.567

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại + USD	821,65	37.929,55

31.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

SỐ TIỀN ĐI VAY THỰC THU TRONG KỲ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.981.294.025	1.199.101.156
Cộng	1.981.294.025	1.199.101.156

SỐ TIỀN THỰC TRẢ GỐC VAY TRONG KỲ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Tiền trả gốc vay theo kế ước thông thường	(1.981.294.025)	(1.199.101.156)
Cộng	(1.981.294.025)	(1.199.101.156)

31.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	Công ty góp vốn
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty góp vốn liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Vosa Quảng Ninh	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Cùng Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của ban Giám đốc, HĐQT, BKS

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tiền lương, thưởng	459.418.547	494.207.045

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Mua hàng từ các bên liên quan	3.914.221.725	19.073.089.642
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	334.775.600	1.491.798.750
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	3.460.646.125	4.263.338.892
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	-	13.301.952.000
- Công ty VOSA Quảng Ninh	118.800.000	16.000.000
Doanh thu với các bên liên quan	2.141.730.000	15.955.655.652
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế	2.141.730.000	12.309.780.000
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	-	2.462.209.717
- Công ty VOSA Quảng Ninh	-	549.405.935
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	634.260.000

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	4.985.580.600	4.648.133.600
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam	-	507.320.000
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	4.985.580.600	4.140.813.600
Phải trả người bán là các bên liên quan	6.449.583.003	8.695.621.299
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	334.775.600	404.650.100
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	2.075.567.803	4.199.917.199
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	3.920.439.600	4.091.054.000
- Công ty VOSA Quảng Ninh	118.800.000	-

31.4 TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tính đến 30/06/2019, lỗ lũy kế là 408.756.182.309 đồng, nguồn vốn chủ sở hữu âm là 29.702.446.213 đồng và tại ngày 30/06/2019, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.974.019.155 đồng. Tuy nhiên, lỗ lũy kế xuất phát từ sự thận trọng của Ban Tổng Giám đốc khi trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT) với số tiền lũy kế là 473.212.674.000 đồng. Ngoài khoản dự phòng đầu tư tài chính trên, hoạt động kinh thông thường của Công ty vẫn đang bình thường. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn cam kết vẫn đang duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty một cách bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.5 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Cung cấp dịch vụ cảng;
- Lĩnh vực : Cho thuê bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp dịch vụ cảng VND	Cho thuê bất động sản VND	Cộng VND
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	26.328.051.792	830.474.388	27.158.526.180
Giá vốn	25.362.741.723	387.563.154	25.750.304.877
Doanh thu hoạt động tài chính	124.484.679	-	124.484.679
Chi phí tài chính	53.123.794	-	53.123.794
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.874.676.258	-	2.874.676.258
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.838.005.304)	442.911.234	(1.395.094.070)
Thu nhập khác	375.960.221	-	375.960.221
Chi phí khác	20.246.738	-	20.246.738
Lợi nhuận khác	355.713.483	-	355.713.483
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.482.291.821)	442.911.234	(1.039.380.587)

31.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Đỗ Vũ Linh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập